QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở NÔNG TRƯỜNG 3/2 HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2010

Hoàng Thị Yến
Trường Đại học Y khoa Vinh
Ngày nhận bài 25/9/2018, ngày nhận đăng 05/11/2018

Tóm tắt: Từ những năm 70, 80 của thế kỷ XX, các nông trường quốc doanh đối mặt với nhiều thử thách, khó khăn, đòi hỏi phải tìm cách đổi mới để tồn tại và phát triển. Bài báo làm rõ quá trình đổi mới của Nông trường 3/2 ở huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An từ năm 1995 đến năm 2010. Trong đó, tác giả đã khái quát tình hình Nông trường 3/2 trước năm 1995 và đánh giá quá trình đổi mới ở Nông trường 3/2 trên các lĩnh vực như phương thức khoán, hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1995 đến năm 2010.

1. Mở đầu

Quá trình đổi mới Nông trường 3/2 từ năm 1995 đến năm 2010 diễn ra trên các lĩnh vực như phương thức khoán, hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở mỗi giai đoạn phát triển, Đảng bộ Nông trường đã đưa ra các chủ trương, chính sách khác nhau nhằm mục tiêu đổi mới, phát triển. Sự chuyển đổi đó đã đáp ứng được nhu cầu của một cơ chế quản lý mới mang tính chất năng động, sáng tạo và phù hợp với những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. Nội dung

2.1. Tình hình Nông trường 3/2 trước năm 1995

Nông trường 3/2 được thành lập ngày 22/12/1958, với tên gọi ban đầu là Nông trường Quân đội thuộc Cục Sản xuất - Bộ Quốc phòng. Từ đó đến năm 2010, Nông trường đã trải qua nhiều tên gọi như Nông trường Xuân Thành, Nông trường 1/6, Nông trường 3/2, Công ty Nông - Công nghiệp 3/2. Nông trường nằm ở xã Minh Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Lúc thành lập, Nông trường có 1.300 cán bộ công nhân viên, quản lý 450 ha diện tích đất. Đến năm 1995, Nông trường có tổng diện tích đất là 1.447,78 ha, với 430 cán bộ công nhân viên [1]. Lãnh đạo Nông trường là Ban Giám đốc; giúp việc cho Ban Giám đốc là các phòng ban như phòng Kế toán, phòng Tổ chức hành chính, phòng Kế hoạch, phòng Bảo vệ thực vật.

Trong giai đoạn 1956 - 1975, cũng như tất cả các nông trường ở miền Bắc, Nông trường 3/2 trở thành biểu tượng của mô hình xã hội chủ nghĩa tại địa phương, nhất là vùng miền núi phía Tây, tỉnh Nghệ An. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nông trường, ngoài hoàn thành nghĩa vụ nhà nước giao, còn phục vụ lợi ích trực tiếp cho người lao động.

Tuy nhiên, trong thời gian này, Nông trường hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp. Nông trường được nhà nước cấp phát vốn, máy móc thiết bị, vật tư kỹ thuật; sản xuất theo kế hoạch nhà nước giao, sản xuất cái gì và như thế nào đều

Email: mshoangyendhv@gmail.com

do nhà nước hoạch định. Lương của cán bộ công nhân do nhà nước chi trả. Nông trường quản lý công nhân thông qua hình thức khoán việc. Công nhân làm công ăn lương. Tuy nhiên, khoán việc có những hạn chế nhất định, làm cho người lao động ít quan tâm đến sản phẩm cuối cùng mà họ làm ra, chỉ lo chạy theo công điểm, tình trạng "dong công, phóng điểm", không đảm bảo quy trình kỹ thuật, không tiết kiệm chi phí sản xuất diễn ra khá phổ biến.

Trong giai đoạn 1975 - 1985, các nông trường ở miền Bắc nói chung lâm vào khủng hoảng, Nông trường 3/2 cũng không nằm ngoài hoàn cảnh đó. Đất đai nông trường bị bỏ hoang vì không có vật tư và tiền vốn hoặc tiền vốn không đủ để đầu tư trồng mới. Hàng hóa nông trường sản xuất ra như cao su, cà phê, chè… không tiêu thụ được. Đời sống cán bộ, công nhân viên nông trường ngày càng khó khăn. Một số hộ gia đình tìm cách hoạt động kinh tế cá thể để cải thiện tình trạng thiếu lương thực nên công việc sản xuất của nông trường bị bỏ trễ. Bên cạnh đó, ở địa phương, những phần tử xấu còn lợi dụng bối cảnh này để quấy rối, kích động, tìm mọi cách lấy sản phẩm, vật tư trong kho, ngoài đồng của Nông trường. Đời sống của công nhân hết sức khó khăn, tiền lương trong thời gian dài không được nhận [1]. Đời sống vật chất đã thiếu thốn, đời sống tinh thần còn kém hơn nhiều. Công nhân nông trường ít có điều kiện được hưởng thụ các sinh hoạt văn hóa như phim ảnh, phát thanh, truyền hình… Các dịch vụ chăm sóc về y tế, giáo dục, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em, hết sức hạn chế. Các vấn đề xã hội cũng không được quan tâm giải quyết thỏa đáng. Nhiều cán bộ công nhân viên nữ không có điều kiện xây dựng gia đình, không được làm mẹ [1].

Ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 10/NQ-TW về Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Tuy nhiên, cách thức quản lý trong các nông trường vẫn còn chịu ảnh hưởng lớn của cơ chế cũ, đó là thực hiện theo hình thức nhà nước đầu tư và nông trường giao nộp sản phẩm, khoán theo định mức cho người lao động. Trên thực tế, chính sách đó không khuyến khích được sản xuất, thậm chí làm cho người công nhân thờ ơ với mức thưởng, chỉ làm công ăn lương, làm việc theo định mức.

Trong xu thế đổi mới đất nước, Nông trường 3/2 nói riêng và tất cả các nông trường quốc doanh ở miền Tây Nghệ An nói chung đứng trước thách thức bị giải thể. Do đó, vấn đề đổi mới phương thức quản lý trở thành vấn đề sinh tử của Nông trường 3/2.

2.2. Quá trình đổi mới về cơ chế, hoạt động sản xuất kinh doanh ở Nông trường 3/2

Trong những năm 1995 - 2010, quá trình đổi mới Nông trường 3/2 gắn liền với vai trò quan trọng của Đảng bộ Nông trường. Những chủ trương, chính sách, biện pháp của Đảng bộ đã góp phần làm thay đổi diện mạo của nông trường trên nhiều lĩnh vực.

2.2.1.Về phương thức khoán

Năm 1988, chính sách Khoán 10 trong nông nghiệp ra đời nhưng Nông trường 3/2 chưa có bước tiến trong việc sử dụng phương thức này, mà về cơ bản vẫn khoán theo định mức, làm công ăn lương. Trong khi đó, Nông trường Tây Hiếu 1 đã ban hành Quy chế thanh toán khoán cho ngành trồng trọt. Điều này thể hiện sự chưa nhanh nhạy, linh hoạt của Ban Giám đốc Nông trường 3/2.

Ngày 4/1/1995, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 01/CP về "Ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm

nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước". Nghị định số 01/CP quy định thời hạn nhận khoán dài tới 50 năm; điều này có lợi cho người lao động nhưng ảnh hưởng quy hoạch chung của nông trường [5]. Trên cơ sở Nghị định số 01/CP và Thông tư liên bộ, Đảng bộ Nông trường 3/2 đã có phương thức chỉ đạo sáng tạo, phù hợp. Nông trường 3/2 không thực hiện giao khoán toàn bộ đất cho các hộ gia đình như các nông trường khác trên địa bàn mà Nông trường giữ lại một phần đất để làm mô hình thí nghiệm, ứng dụng những thành tựu khoa học vào sản xuất.

Dựa trên nội dung Nghị định 01/CP, Đảng bộ Nông trường 3/2 chủ trương sử dụng linh hoạt các hình thức giao khoán:

Thứ nhất, Nông trường vận dụng cách khoán chi phí tổng hợp cho các sản phẩm chè, cam, cao su, đá**.** Về nguyên tắc là giao đất vườn cây, tài sản ổn định lâu dài, tính toán giá thành chi phí và khoán chi phí tổng hợp trên số lượng, chất lượng sản phẩm [1].

Thứ hai, Nông trường thực hiện khoán gọn chi phí, nghĩa là giao vườn cây ổn định lâu dài, tính toán và khoán toàn bộ chi phí cho chủ nhận khoán chịu. Nông trường thu lại các khoản thu theo luật định và quy chế khoán thu như thuế nông nghiệp, bảo hiểm xã hội, quản lý phí, quỹ xí nghiệp, quỹ bồi bổ đất, quỹ dự phòng và mua lại sản phẩm.

Nông trường còn khoán theo cách chung vốn cổ phần trong chăn nuôi bò. Đó là hai bên chủ giao khoán, chủ nhận khoán cùng đầu tư, cùng quản lý và phân chia hiệu quả kinh tế theo tỷ trọng vốn đầu tư. Theo cách này, Nông trường lấy 50% sản phẩm, người nhận khoán nhận một nửa còn lại [1].

Ngoài ra, Nông trường còn áp dụng chế độ khoán mức thu nhập của cá nhân hoặc tập thể khoán trên doanh số thu được của sản phẩm hàng hóa (còn gọi là khoán doanh thu) cho những người lao động gián tiếp ở đội, ở cơ quan nông trường, tổ điện, tổ nước. Đối với sản xuất cơ khí, sản xuất phân bón, nhiên vật liệu xây dựng công trình cơ bản cũng tổ chức khoán gọn chi phí, nông trường mua lại sản phẩm theo số lượng, chất lượng từng chủng loại sản phẩm và thanh toán theo giá khoán hoặc giá hợp đồng. Cách thức khoán này có điểm giống với các nông trường khác ở địa bàn là đều giao đất cho các hộ dân quản lý, nhưng khác nhau ở khoản thu. Các nông trường khác thu của hộ nhận khoán 5% giá trị sản lượng, Nông trường 3/2 chỉ thu 3% giá trị sản lượng. Chính sách này đã tạo thêm động lực cho cán bộ công nhân viên để họ tích cực sản xuất.

Tất cả cách tính khoán trên đã được công khai minh bạch, tạo điều kiện cho công nhân viên chức góp ý, bàn bạc, điều hòa mức thu nhập hợp lý, công bằng, do đó đã tạo ra không khí đoàn kết trong nông trường. Quy định nông trường đáp ứng 60% còn người nhận khoán đầu tư 40% đã huy động được nguồn vốn tiềm tàng trong cán bộ công nhân viên để đầu tư thâm canh trong điều kiện nông trường vốn ít, giá cả vật tư tăng lên. Cách chia phần vượt khoán người lao động hưởng 70%, nông trường 30% càng khuyến khích người lao động tăng đầu tư [1]. Mặt khác, Nông trường khoán doanh thu cho những người lao động gián tiếp nhằm thúc đẩy tinh thần sản xuất cho cán bộ, nhân viên trong toàn Nông trường.

Ngày 8/11/2005, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 135/2005/NĐ-CP "Về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh". Đối tượng nhận khoán giống với Nghị định 01/CP nhưng khoản thu và thời hạn nhận khoán khác nhau. Nghị

định 135/2005/NĐ-CP quy định thu phí người lao động tùy thuộc vào từng đơn vị cân đối nguồn ngân sách để duy trì hoạt động của bộ máy; thời hạn nhận khoán được quy định cụ thể hơn: "khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng hoặc chu kỳ kinh doanh, khoán công đoạn" [6].

Để tăng cường hơn nữa trách nhiệm của người lao động trong quá trình sử dụng đất đi đôi với quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên một đơn vị diện tích đất, gắn với việc quản lý của nhà nước, quản lý sử dụng của doanh nghiệp, Đảng bộ Nông trường 3/2 tiếp tục chuyển đổi hình thức giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP. Về đối tượng nhận khoán của nông trường, không nhất thiết áp dụng cả ba đối tượng thống nhất trong 10 đội sản xuất, mà tùy theo tình hình khối lượng diện tích đất và lao động là cán bộ công nhân viên chức của từng đội để quy định áp dụng một, hai, hoặc ba đối tượng. Việc vận dụng chính sách khoán theo nghị định 135/2005/NĐ-CP đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người nhận khoán và bên giao khoán, khắc phục dần những hạn chế của nghị định 01/CP [3].

2.2.2.Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2002, Nông trường quốc doanh 3/2 chuyển đổi thành Công ty Nông - Công nghiệp 3/2 để phù hợp với nhu cầu thực tiễn nhằm đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

Do khi hình thành công ty nhà nước có điều lệ riêng về tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nên việc huy động nguồn vốn đầu tư ở giai đoạn này cũng có nhiều điểm mới. Trước đó, các nông trường chủ yếu dựa vào các nguồn vốn như vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn đầu tư trồng rừng 327 "phủ xanh đất trống đồi núi trọc" để hỗ trợ quá trình sản xuất. Nếu tiếp tục duy trì phương thức huy động vốn đó thì hoạt động sản xuất kinh doanh của nông trường sẽ gặp khó khăn, do đó, Đảng bộ Nông trường cần phải thay đổi chủ trương.

Sau khi chuyển đổi, Đảng bộ Nông trường 3/2 đã linh hoạt huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, như nguồn tín dụng ngân hàng, nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp. Ngoài ra, vốn huy động cho đầu tư phát triển của nông trường còn bao gồm vốn vay của cán bộ, công nhân viên. Nguồn vốn vay của Chính phủ Pháp (AFD) thay thế cho dự án 327 cũng góp phần tích cực trong việc đầu tư phát triển [2]. Điều đó đã thể hiện sự mạnh dạn chủ động đầu tư của Nông trường .

Nguồn vốn đầu tư của Công ty Nông - Công nghiệp 3/2 trong giai đoạn 2005 - 2009 có tổng vốn là 152.761 triệu đồng, với cơ cấu gồm: ngân sách cấp 18.125 triệu đồng (9,86%); nguồn vốn AFD 22.711 triệu đồng (12,36%); khấu hao cơ bản 16.320 triệu đồng (8,9%); nguồn tín dụng ngân hàng 64.686 triệu đồng (35,2%); nguồn tự có 22.427 triệu đồng (12,2%); vay khác 39.500 triệu đồng (21,5%) [7]. Nguồn vốn tín dụng ngân hàng lớn nhất chiếm 35,2% so với tổng vốn đầu tư. Điều này thể hiện rõ vai trò quan trọng của nguồn vốn huy động tại ngân hàng. Nhưng các nguồn vốn còn lại cũng chiếm tỉ trọng cao và tương đối đồng đều. Nguồn vốn ngân sách cấp là 9,86%, nguồn AFD là 12,36 %, nguồn vốn tự có chiếm tỷ trọng 12,2%, còn lại các nguồn vốn khác chiếm tỷ trọng 65,58%. Đây là nét mới nổi bật mà ở giai đoạn trước Nông trường chưa thực hiện được.

Bên cạnh những điểm mới về vốn và nguồn vốn đầu tư, Đảng bộ Nông trường còn chú trọng đổi mới về phương thức sản xuất kinh doanh. Trước đây, người lao động sản xuất mang tính tự phát, mạnh ai nấy làm, nay nông trường quy hoạch, định hướng trong quá trình sản xuất nên giảm bớt được rủi ro, tăng năng suất lao động. Nông trường chỉ đạo các đơn vị, đôn đốc các hộ nhận khoán làm vệ sinh lô đồng, vườn cây. Nông trường lập kế hoạch đầu tư chăm sóc các loại vườn cây, giao cụ thể đến các đội. Những việc làm này ở giai đoạn trước các nông trường cũng chưa thực hiện được.

Đặc biệt, do Công ty có chủ trương thu phần trăm giá trị sản lượng thấp đối với các hộ nhận khoán, hơn nữa, Ban giám đốc cũng đề ra chế tài xử phạt đối với những ai bán sản phẩm ra bên ngoài như lấy lại toàn bộ đất giao khoán và bị nộp phạt, nên các chủ nhận khoán đã nghiêm túc bán sản phẩm cho công ty, không bán cho các đối tượng khác với giá cao hơn [7].

Một điểm nổi bật là Đảng bộ Nông trường 3/2 định hướng đầu tư khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, tập trung kinh doanh tổng hợp theo hướng đầu tư chăm sóc các vườn cây lâu năm hiện có, đảm bảo năng suất sản lượng, chất lượng sản phẩm và tính bền vững của vườn cây, chú trọng đầu tư chiều sâu các vườn cây có năng suất cao, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu. Trước đây, Nông trường trồng cây cao su là chủ yếu, nay căn cứ vào thực tiễn thị trường, do giá cao su bấp bênh, nên chỉ đạo trồng thêm cây chè, cam và mía, để mang lại năng suất cao, cùng với đó, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về đầu tư thâm canh cây trồng vật nuôi [8].

Không chỉ trong lĩnh vực sản xuất mà cả trong lĩnh vực chế biến cũng có sự đổi mới về quy trình. Ban lãnh đạo Nông trường đã tăng cường áp dụng công nghệ mới vào lĩnh vực chế biến. Trước đây, sản phẩm chế biến của Nông trường chất lượng chưa cao nên tính cạnh tranh trên thị trường còn thấp, nay Công ty xây dựng xưởng chế biến cao su với dây chuyền sản xuất hiện đại và bổ sung thiết bị chế biến ở xưởng chè để đảm bảo mua hết nguyên liệu cho các hộ dân.

Do phương thức quản lý thay đổi nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của Nông trường cũng cao hơn so với giai đoạn trước về cả sản lượng, doanh thu và thu nhập của người lao động. Sản phẩm được Nông trường sản xuất ra với chất lượng cao, mẫu mã phong phú về chủng loại, giá thành sản phẩm hạ, nâng cao được sức cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng đến công tác phát triển thị trường với số lượng vốn đầu tư cho lĩnh vực này ngày càng tăng. Đảng bộ Công ty còn chỉ đạo mở rộng thêm ngành kinh doanh, sản xuất phân vi sinh phục vụ cho trồng mới và chăm sóc cây; tổ chức khai thác đá và dịch vụ khoa học kỹ thuật, nhằm sử dụng hết nguồn tài nguyên và lao động [9].

Sản lượng xuất khẩu của Công ty sang các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Đức ngày càng lớn. Đây có thể coi là điểm nhấn quan trọng nhất, thành công nhất của Nông trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2005 - 2009 rất khả quan. Doanh thu năm 2005 là 24,5 tỷ đồng, năm 2006 là 26,7 tỷ đồng, năm 2007 là 28 tỷ đồng, năm 2008 là 27 tỷ đồng, năm 2009 là 28,6 tỷ đồng. Nạp ngân sách: năm 2005 là 1,9 tỷ đồng, năm 2006 là 2,2 tỷ đồng, năm 2007 là 2,5 tỷ đồng, năm 2008 là 2,8 tỷ đồng, năm 2009 là 2,9 tỷ đồng [4].

3. Kết luận

Từ năm 1995 đến năm 2010, quá trình đổi mới ở Nông trường 3/2 diễn ra trên nhiều lĩnh vực, trong đó tiêu biết nhất là phương thức khoán và hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở mỗi giai đoạn, Đảng bộ đã đưa ra các chủ trương, giải pháp phù hợp để đổi mới Nông trường trên các lĩnh vực, nổi bật là đổi mới về hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng linh hoạt các phương thức khoán, đầu tư khoa học kỹ thuật, huy động các nguồn vốn. Tuy nhiên, quá trình đổi mới đó vẫn còn những hạn chế nhất định, hiệu quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chưa tương xứng với tiềm năng. Yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi Công ty Nông - Công nghiệp 3/2 cần tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo, thúc đẩy quá trình phát triển ở giai đoạn tiếp theo, xây dựng Công ty đi lên vững chắc trong xu thế mới. Để nâng cao chất lượng sản phẩm cạnh tranh trên thị trường thế giới, Công ty cần phải đầu tư yếu tố khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất hạ tầng; tăng cường quảng bá giới thiệu sản phẩm, xây dựng hình thức bán hàng qua internet phù hợp với nhu cầu của thị trường; tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu tiềm năng, sản phẩm của Công ty, kêu gọi hợp tác đầu tư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban chấp hành Đảng ủy - Ban Giám đốc công đoàn, *Lịch sử nông trường 3/2,* tr. 78, 77, 84, 56, NXB Nghệ An.

[2] Bộ Tài chính, *Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính cho chương trình vay vốn cơ quan phát triển cà phê chè,* ngày 25/3/1999, tr. 2.

[3] Công ty Nông - Công nghiệp 3/2, *Phương án giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 8/11/2005, của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thực hiện số 102/2006/TT-BNN, ngày 13/11/2006, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định 135/2005/NĐ-CP,* tr. 6-7.

[4] Công ty Nông - Công nghiệp 3/2, *Báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2005 - 2009,* tr. 12.

[5] *Nghị định 01/CP về giao khoán đất đai và cây trong các nông lâm trường*, Lưu tại Sở Nông nghiệp Nghệ An, 1995.

[6] *Nghị định số 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh*, tr. 2.

[7] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An, Công ty Nông - Công nghiệp 3/2, *Báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2005-2009,* tr. 5, 7, 8.

[8] UBND tỉnh Nghệ An, Công ty TNHH một thành viên Nông - Công nghiệp 3/2, *Phương án thu hoạch, thu mua sản phẩm cao su năm 2010*, tr. 1.

[9] UBND tỉnh Nghệ An, Công ty TNHH một thành viên Nông - Công nghiệp 3/2, *Tình hình sản xuất kinh doanh công ty năm 2010*, tr. 4.

SUMMARY

THE RENOVATION PROCESS IN THE 3/2 FARM, QUY HOP DISTRICT, NGHE AN PROVINCE FROM 1995 TO 2010

Since the 1970s and 1980s of the 20th century, several state-run farms faced challenges and difficulties, which required renewal to survive and develop. The article clarifies the renovation process of the 3/2 Farm in Quy Hop District, Nghe An Province from 1995 to 2010. In this article, the author outlined the situation of 3/2 Farm before 1995 and evaluated the renovation process at 3/2 Farm in the fields of contract method, production, and business from 1995 to 2010.